

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ CỦA NGƯỜI THÁI, NGƯỜI HÔNG Ở XÃ TÂN LẬP, HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA TRONG MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG SINH KẾ PHI NÔNG NGHIỆP¹

TS. Phạm Thị Cẩm Vân
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến các hoạt động sinh kế phi nông nghiệp của người Thái, người Hmông ở xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La và cách ứng phó của họ trước tác động của biến đổi khí hậu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khoảng 10 năm trở lại đây, thời tiết ở Tân Lập đã có nhiều thay đổi: nhiệt độ tăng lên ở các mùa trong năm, mưa đá, lũ lụt xảy ra không theo quy luật,... Những thay đổi này đã tác động ở các mức độ khác nhau tới sinh kế của hai tộc người này, trong đó có hoạt động phi nông nghiệp (làm thuê, tham gia dịch vụ trong nông nghiệp). Trong quá trình đó, người Thái và người Hmông đã có cách ứng phó khác nhau nhưng đều chịu sự chi phối của yếu tố văn hóa tộc người.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, ứng phó, sinh kế phi nông nghiệp, dân tộc Thái, dân tộc Hmông, Sơn La.

Ngày nhận bài: 12/4/2020; ngày gửi phản biện: 28/4/2020; ngày duyệt đăng: 30/5/2020

Mở đầu

Việt Nam là một trong các quốc gia chịu tác động mạnh nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH), trong đó vùng núi và ven biển là những nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2008). Sơn La là một trong những tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc nước ta, những năm gần đây, dưới sự tác động của BĐKH, các loại hình thiên tai đang có xu hướng gia tăng ở địa phương này. Xã Tân Lập thuộc huyện Mộc Châu nằm ở khu vực phía Nam của tỉnh Sơn La. Cộng đồng dân tộc nơi đây chiếm đa số là người Thái (50,09%), người Hmông (22,39%), và các dân tộc còn lại Kinh, Mường, Dao (27,52%) (Phòng Thống kê huyện Mộc Châu, 2019). Sinh kế chính của đồng bào là trồng trọt, chăn nuôi kết hợp phát triển dịch vụ. Trong xu thế chung của cả nước, BĐKH có những biểu hiện như mưa đá xảy ra bất thường, lũ lụt, băng tuyết... đã tác động nhiều đến đời sống của người dân địa phương, trong đó có sinh kế phi nông nghiệp.

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ (2019 - 2020) “Ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông và người Thái ở tỉnh Sơn La” do TS. Nguyễn Thẩm Thu Hà và TS. Phạm Thị Cẩm Vân làm Đồng chủ nhiệm, Viện Dân tộc học là cơ quan chủ trì.

Đến nay, các nghiên cứu về tác động của BĐKH tới đời sống người dân chủ yếu tập trung vào những tổn thất trên khía cạnh sản xuất nông nghiệp (Bùi Thị Bích Lan, Nguyễn Thị Huệ, 2015; Trần Hồng Thu, Phạm Thị Thu Hà, 2016; Trần Hồng Hạnh, 2017; Nguyễn Thắm Thu Hà, 2018; Phạm Thị Cẩm Vân, 2018; Nguyễn Công Thảo, 2019;...). Hoạt động sinh kế phi nông nghiệp vốn được coi là kinh tế phụ trợ nên ít được quan tâm tìm hiểu. Bài viết này nhằm cung cấp thêm cái nhìn mới về những tác động của BĐKH tới một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp của người Hmông ở bản Tà Phênh và người Thái ở bản Dọi, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Mục tiêu của bài viết là xác định xu thế thay đổi của thời tiết qua kết quả quan trắc kỹ thuật và cảm nhận của người dân địa phương; tìm hiểu những hoạt động sinh kế phi nông nghiệp của người Thái và người Hmông cũng như cách thức ứng phó trước sự thay đổi của thời tiết ở các mức độ khác nhau. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là khảo sát thực địa và thảo luận nhóm 20 cuộc với đại diện là các nhóm có tham gia hoạt động sinh kế phi nông nghiệp, các nhà quản lý tại địa phương; phân tích, so sánh cách thức ứng phó của hai cộng đồng người Thái và người Hmông cũng được thực hiện xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu.

1. Địa bàn nghiên cứu và biểu hiện của biến đổi khí hậu

1.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Xã Tân Lập có diện tích tự nhiên 98,13 km², phía đông giáp xã Tà Lại và thị trấn Nông Trường; phía tây giáp huyện Yên Châu, phía nam giáp xã Chiềng Hắc; phía bắc giáp xã Tập Hợp. Xã Tân Lập có 15 bản, bản xa nhất cách trung tâm xã 13km; xã có đường tỉnh lộ 104 chạy qua dài 22km và đường giao thông liên xã đã bê tông hóa 100%. Trong cơ cấu kinh tế của xã hiện nay, nông nghiệp là chủ đạo, chiếm 92,2%, với cây trồng chính là chè và mận; dịch vụ, lâm nghiệp chỉ chiếm 7,8%. Năm 2018, thu nhập bình quân của xã đạt 18,5 triệu/người/năm. Toàn xã có 69 hộ nghèo, 51 hộ cận nghèo (UBND xã Tân Lập, 2018).

Bản Tà Phênh cách trung tâm xã 5km, 100% dân số trong bản là người Hmông với 282 hộ và 1.700 khẩu. Bản Dọi có 300 hộ với 1.258 khẩu, trong đó người Thái chiếm 97%, còn lại là người Kinh. Tương quan với cơ cấu kinh tế của xã, hai bản này đa số phát triển trồng trọt với các cây trồng chính là chè, chanh leo, các loại rau, củ quả (bản Dọi); mận, ngô (bản Tà Phênh). Lúa chỉ trồng để cung cấp lương thực cho gia đình. Hoạt động phi nông nghiệp tại địa phương bắt đầu phát triển với một số hoạt động chính là làm thuê, cung cấp dịch vụ trong nông nghiệp.

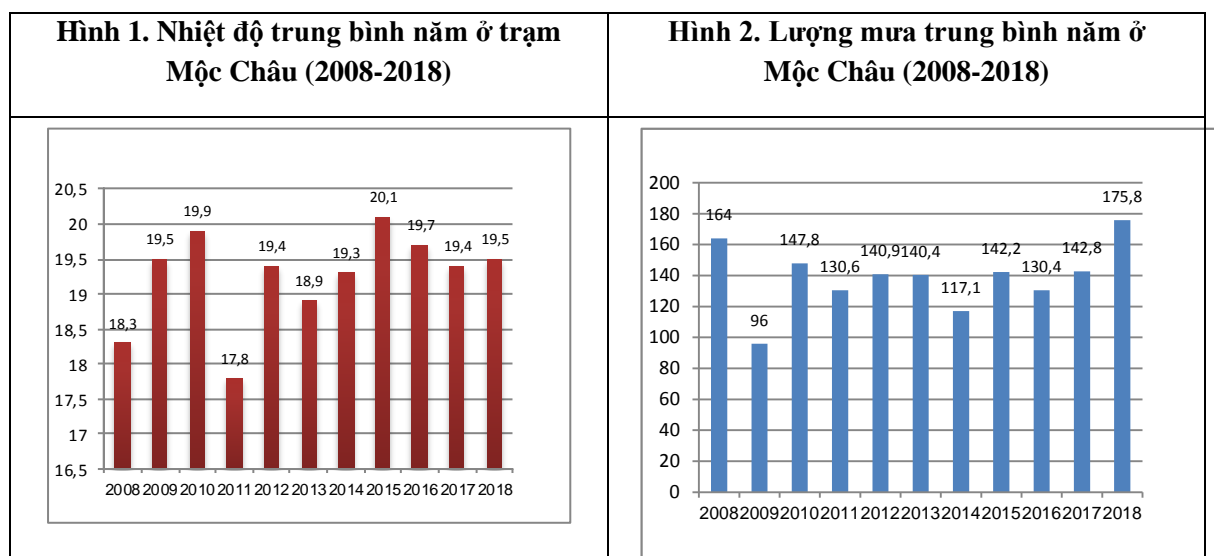
1.2. Biểu hiện của biến đổi khí hậu

Theo dõi khí hậu ở Tân Lập dựa trên số liệu quan trắc tại trạm Mộc Châu (Hình 1 và Hình 2) cho thấy, trong các năm từ 2008 - 2018, nhiệt độ trung bình năm tại Mộc Châu đều cao trên ngưỡng 18⁰C, hai năm 2010 và 2015 nhiệt độ lên tới 19,9⁰C và 20,1⁰C. Trong ba năm 2016, 2017 và 2018, nhiệt độ tối cao trong các tháng từ tháng 3 đến tháng 9 ở Mộc

Châu đều dao động từ 31,2 - 34,5⁰C; các tháng mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau) nhiệt độ tối thấp lại giảm, dao động từ -0,9⁰ (tháng 1/2016) đến 10,2⁰C (năm 2018). Điều này là hiện tượng bất thường đối với cao nguyên Mộc Châu vốn được ví như Đà Lạt của miền Bắc. Hơn nữa, sự chênh lệch nhiệt độ rất lớn giữa các tháng nóng nhất và lạnh nhất trong năm đã khiến cho con người, cây trồng cũng như vật nuôi đều khó khăn để thích ứng. Lượng mưa không đồng đều giữa các năm, đặc biệt là vào các tháng mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 8.

Không chỉ dựa trên số liệu quan trắc, người dân tại xã Tân Lập, huyện Mộc Châu cũng cảm nhận rõ sự thay đổi của thời tiết như hiện nay nóng hơn và bất thường hơn. Thông qua việc nhận thấy “trong khoảng 10 năm trước, những cây trồng ưa nóng như nhãn, đu đủ, chuối nếu trồng ở xã Tân Lập đều không cho quả nhưng hiện nay cả cây nhãn đại cũng đậu quả”. Nếu như trước đây bà con không trồng được cây chuối thì hiện nay một số bản trong xã Tân Lập đã phát triển được một diện tích chuối đáng kể để cung cấp cho người dân trong và ngoài xã.

Hình 1 và hình 2: Số liệu quan trắc tại trạm Mộc Châu các năm 2008 - 2018



Nguồn: Trạm Khí tượng thủy văn Mộc Châu, 2019

Một vài biểu hiện khác minh chứng cho sự nóng lên của khí hậu đó là: (1) trước đây mùa hè người dân không cần dùng quạt, hiện nay có hộ phải dùng điều hòa; (2) mưa đá thường xuất hiện vào tháng 6, nhưng hai năm gần đây mưa đá xuất hiện từ tháng 4; (3) Tân Lập vốn được biết đến là nơi nhiều sương mù, một năm có tới 6/12 tháng sương mù bao phủ nhưng hiện nay sương mù chỉ còn xuất hiện trong khoảng thời gian tháng 12, tháng 1 và tháng 2. Vào mùa đông, năm có tuyết (2016) nhưng có năm chỉ cảm thấy se lạnh (2018) và thời gian rét ngắn hơn.

1.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế truyền thống của người Thái và người Hmông

Người Thái và người Hmông ở xã Tân Lập vốn duy trì hoạt động trồng trọt và chăn nuôi từ lâu đời, trong đó thu nhập chính là từ hoạt động trồng trọt với các loại cây như chè, mận, ngô non (dùng ủ ướp) và rau củ quả nhiệt đới. Cây lương thực như lúa, ngô chỉ trồng với diện tích nhỏ để cung cấp thức ăn hàng ngày, không phải sản phẩm hàng hóa. Năm 2019, tổng diện tích trồng chè ở xã Tân Lập là 267 ha. Cây chè phát triển và cho năng suất cao nhất ở những nơi có nhiệt độ từ 18-25⁰C. Trong những năm gần đây, do nhiệt độ giữa các mùa trong năm ở huyện Mộc Châu có sự thay đổi nên năng suất của cây chè không ổn định, năm 2017 đạt 100 tạ/ha, năm 2018 đạt 135 tạ/ha, năm 2019 đạt 103,5 tạ/ha (UBND xã Tân Lập, 2017, 2018, 2019). Mận cũng là một trong những loại cây chủ lực của vùng đất Tân Lập. Nơi đây có nhiệt độ thấp vào tháng 12, tháng 1 nên phù hợp với sự phân hóa mầm hoa và đậu quả. Với tổng diện tích cây mận hiện có là 486 ha thì diện tích cho sản phẩm là 244ha, sản lượng đạt 840 tấn (2019). Tuy nhiên, những năm gần đây mưa đá bất thường vào tháng 4 đã làm một diện tích lớn cây mận bị rụng khi quả còn non. Từ năm 2015, người dân ở xã Tân Lập đang mở rộng diện tích trồng ngô ủ ướp. Cây ngô thu hoạch còn non dùng làm thức ăn chăn nuôi bò sữa. Thời gian thu hoạch ngô non không trùng với mùa mưa lũ nên ít bị ảnh hưởng so với việc trồng ngô lấy hạt. Diện tích ngô ủ ướp tăng từ 200 ha (2016) lên 430 ha (2018).

Hoạt động chăn nuôi của 2 tộc người còn nhỏ lẻ, theo quy mô hộ gia đình. Việc giảm đầu tư cho chăn nuôi là do nhu cầu sức kéo không còn, các công đoạn sản xuất đã được cơ giới hóa. Bên cạnh đó, diễn biến bất thường của thời tiết, dịch tả Châu Phi, lợn tai xanh đã làm cho số lượng đàn gia súc giảm đi đáng kể.

Bảng 1. Tình hình thiệt hại do thiên tai tại xã Tân Lập giai đoạn 2015-2019

Thời gian	Hiện tượng	Mức độ thiệt hại
5/2019	Mưa đá	Thiệt hại 425,574ha hoa màu, cây ăn quả
8/2019	Mưa lũ	Thiệt hại 38,71ha hoa màu, cây ăn quả; 13 con lợn, 24 con gà
4/2018	Mưa đá, gió lốc	Trong số 251,44ha hoa màu, cây ăn quả, diện tích bị thiệt hại 30-70% là 35,12 ha, diện tích bị thiệt hại trên 70% là 216,32 ha
7/2018	Mưa lũ	Thiệt hại 153,3ha hoa màu; 01 con trâu, 02 con bò, 195 con gà
2017	Nắng nóng	Thiệt hại 57ha ngô do sâu keo phát triển
1/2016	Mưa tuyết, rét đậm, rét hại	Thiệt hại 40 con bò, 43 con trâu, 35 con dê, 56 con lợn
8/2016	Mưa lũ	Thiệt hại 37,3ha ngô
6/2015	Mưa đá	Thiệt hại 150,3ha hoa màu; tốc mái 02 nhà; 01 nhà phải di chuyển do sạt lở đất

(Nguồn: UBND xã Tân Lập, 2015-2019)

2. Sinh kế phi nông nghiệp và phương thức ứng phó của người dân trước tác động của biến đổi khí hậu

2.1. Người Thái ở bản Dọi

* *Làm thuê*: theo thống kê của địa phương, khoảng thời gian từ 2015 - 2019, số người lao động ở địa phương đi làm công nhân tại các khu công nghiệp bắt đầu có xu hướng tăng lên (Bảng 1). Thời gian đầu chỉ có 4 - 5 trường hợp, sau đó họ giới thiệu cho nhau cùng đi. Số lượng người đi làm thuê tăng lên và ổn định từ năm 2018 - 2019. Độ tuổi đi làm thuê từ 20 - 35, chủ yếu là nam giới. Công việc thường là công nhân may, dệt sợi, da giày tại các khu công nghiệp ở Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên. Khi đã ký hợp đồng làm việc, mỗi công nhân chỉ được nghỉ vào các dịp lễ tết và cuối năm. Mặc dù xa gia đình nhưng vì hoàn cảnh kinh tế nên những hộ người Thái ở đây vẫn phải chấp nhận công việc này. Mỗi người đi làm công nhân trừ chi phí ăn ở và các chi tiêu khác, mỗi tháng cũng tiết kiệm được 5 - 6 triệu đồng. So với làm nông nghiệp tại địa phương, con số này thấp hơn thu nhập từ trồng trọt nhưng ổn định khi trồng trọt gặp khó khăn. Lý do khiến người Thái đi làm thuê ngoài tỉnh là vì diện tích đất canh tác không đủ sản xuất². Đặc biệt, khi được hỏi về tác động của BĐKH đến hoạt động phi nông nghiệp, đa số người Thái cho biết, BĐKH làm cho họ gặp nhiều khó khăn hơn trước, thực tế là họ chỉ có diện tích nông nghiệp eo hẹp để trồng trọt nhưng lại gặp rủi ro khi canh tác trên phần diện tích đó. Vì thế, đi làm thuê, đặc biệt là đi làm ăn xa sẽ là một cơ hội để họ tìm kiếm nguồn sinh kế mới. Người Thái cũng khá yên tâm với công việc đi làm công nhân theo năm trong điều kiện thiếu đất sản xuất và sản lượng nông sản không cao. Như vậy, BĐKH là một phần làm tăng thêm số lượng nam giới người Thái đi làm thuê tại các địa phương khác.

Bảng 2: Số lao động đi làm ăn xa ngoài tỉnh của người Thái ở bản Dọi, xã Tân Lập giai đoạn 2015 - 2019

Hình thức làm thuê	2015	2016	2017	2018	2019
Đi làm công nhân ngoài tỉnh	13	13	21	21	21
Làm thuê/đổi công trong huyện, xã	18	15	18	12	20
Cộng	31	28	39	33	41

Nguồn: UBND xã Tân Lập, 2019

Còn phụ nữ Thái thì tham gia hái chè thuê hoặc đổi công cho các hộ trong bản. Công việc này được thực hiện khi họ đã hoàn tất việc đồng áng của gia đình. Hiện tại ở bản Dọi có khoảng 20 người đi hái chè thuê cho xưởng chè Bản Dọi, thường bắt đầu từ tháng 5 - tháng 11. Mỗi tháng họ đi làm một đợt khoảng 6 ngày, tiền công được trả 25.000đ/giờ. Nếu người nào chăm chỉ, mỗi tháng cũng thu nhập thêm được 1.200.000 - 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, công việc hái chè tương đối bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào thời tiết và sản lượng. Những

² Tại bản Dọi, 100% người Thái là dân tái định cư, mỗi hộ chỉ được cấp 400m² đất, không đủ diện tích đất canh tác khi dân số tăng lên; nhiều gia đình khi tách hộ đã không có đủ đất chia cho các con.

người đi hái chè đều cho biết, năm 2017 và 2019 là hai năm nắng nóng, sản lượng chè giảm, nên vụ chè cuối năm vào tháng 10 - 11 hầu như không có việc, chỉ 6/20 hộ có việc vào dịp này. Tuy có việc làm nhưng thời gian này đi hái thuê chỉ 5 ngày mà không phải 7 - 8 ngày như các năm trước, những người còn lại chỉ tham gia đổi công cho nhau trong 1 - 2 ngày.

Bên cạnh đó, nhiều phụ nữ Thái ở bản Dọi còn đi hái chanh leo, thu nhập được tính theo ngày công. Thời gian từ 6h sáng đến 15h chiều và được trả 150.000 - 200.000 đồng/ngày. Vào vụ chanh leo những năm 2016 - 2018, ở bản không thuê được người hái vì thời điểm đó trồng chanh leo cho năng suất cao và đầu mùa bán được giá³. Năm 2019, thời tiết nắng nhiều, cây chanh non không lên được, cây nào sống sót cho trái thì chất lượng quả cũng không cao, sản lượng giảm 30% so với năm trước, do đó các hộ đủ để đổi công mà không cần phải thuê người làm.

Có thể thấy, ở cộng đồng người Thái tồn tại hai loại hình công việc chủ yếu bên cạnh sản xuất nông nghiệp, đó đi làm thuê ngoài tỉnh và làm thuê hay đổi công tại địa phương. Công việc làm thuê ngoài tỉnh thường dành cho nam giới với thu nhập ổn định và có thể là một lựa chọn trong bối cảnh thời tiết thay đổi, diện tích canh tác thấp không đủ sản xuất. Công việc làm thuê/đổi công trong xã thường dành cho nữ giới với những việc nhẹ và ít ràng buộc về thời gian. Nếu nam giới có cơ hội lựa chọn công việc làm thuê ở tỉnh xa và ổn định thì phụ nữ Thái không có lựa chọn khác cho công việc làm thuê của mình, vì phải chăm sóc gia đình và chỉ có thể làm thuê khi tất cả các công việc ruộng vườn đã hoàn tất. Trong trường hợp sản lượng nông nghiệp bị giảm sút, công việc làm thuê của nữ giới cũng ảnh hưởng theo vì chưa có giải pháp hay sự lựa chọn thay thế. Đây chính là nhóm yếu thế hơn trong quá trình tìm kiếm thu nhập thêm cho gia đình.

* *Dịch vụ thu mua hàng nông sản*: tại địa bàn nghiên cứu có một số hộ người Thái tham gia thu mua hàng nông sản của người dân địa phương, chủ yếu là bí xanh, bí đỏ, đỗ đậu, chanh leo. Tất cả các thành viên trong gia đình đều tham gia hoạt động này, trong đó chồng lái xe đi thu mua, vợ và các con làm công việc phân loại hàng hóa. Nơi thu mua nông sản thường là các bản của xã Tân Lập, Tân Hợp, Pà Khà, những bản này cách khu thu mua 10 - 15km. Hoạt động thu mua nông sản hầu như quanh năm nhưng nhiều nhất là từ tháng 7 - tháng 9. Trong các tháng này, trung bình một ngày gia đình thu mua và chuyển ra thị trấn 3 chuyến, mỗi chuyến khoảng 3 tấn rau, củ, quả. Các tháng còn lại chỉ thu mua được 1 chuyến/ngày.

Qua tìm hiểu tại địa phương, tác động của thời tiết có ảnh hưởng đến: (1) sản lượng và chất lượng hàng nông sản; (2) quá trình vận chuyển và bảo quản hàng nông sản. Cụ thể như sau:

³ Năm 2016, một gốc chanh leo thu hoạch được khoảng 500.000 đồng/gốc/vụ, hộ nào có khoảng 200 - 300 gốc chanh sẽ cho thu nhập 180 - 200 triệu đồng.

Thứ nhất, đối với sản lượng và chất lượng hàng nông sản. Các chủ thường mua theo hai hình thức: một là đến vườn thu mua trực tiếp hoặc người dân mang rau củ quả đến bán tại điểm thu mua; hai là đặt mua khoán cả vườn từ đầu mùa, vào thời gian thu hoạch họ thuê người hái và chỉ cần đến trở hàng về. Hình thức mua thứ hai này thường gặp rủi ro vì có mùa vườn cây không đạt năng suất như dự kiến, có những chuyên người thu mua không có hàng để mang về. Trước đây, trung bình vào 3 tháng cao điểm, mỗi chủ cửa hàng thu mua nông sản đều mua được 3 chuyến hàng đem ra thị trấn Mộc Châu bán lại cho thương lái, nhưng năm 2019 trung bình các tháng cao điểm chỉ chuyển được 2 chuyến hàng ra thị trấn. Những tháng còn lại ngày có hàng ngày không. Thêm vào đó, sự thay đổi của thời tiết cũng là nguyên nhân dẫn đến sâu bệnh phát triển khiến cho cây không đậu trái hoặc có trái nhưng chất lượng quả thấp. Người thu mua ở bản Dọi cho biết: “*Năm 2018, do thời tiết mưa nhiều, cây đậu xuất hiện bệnh nấm và gỉ sắt, mẫu mã quả đậu không đẹp, chúng tôi đã lựa chọn thu mua của người dân nhưng mang ra đại lý ngoài thị trấn bán thì họ lại không nhập hàng, do đó việc buôn bán không có lãi. Năng hạn nhiều cũng làm cho quả chanh leo không đạt chất lượng như mọi năm. Cây chanh leo nếu gặp hạn nhiều quả sẽ không có hạt, quả nhẹ và hình thức xấu. Bình thường đầu mùa chanh leo bán được 30.000đ/kg, nhưng năm nay chỉ bán được 20.000đ/kg*”. Chia sẻ này của người thu mua hàng nông sản cũng đã phần nào cho thấy những ảnh hưởng mà họ gặp phải trong bối cảnh hiện nay. Ngoài mua hàng nông sản, các chủ cửa hàng ở đây kết hợp thu gom phế liệu, sắt vụn, thường được tiến hành vào khoảng tháng 12 đến tháng 1 hoặc vào cả thời gian còn lại trong năm nếu như họ không mua được hàng nông sản. Việc này có thể tận dụng được thời gian nhàn rỗi và ít chịu ảnh hưởng của thời tiết. Song không phải chủ thu gom hàng nông sản nào cũng thực hiện được điều này. Để có thể đa dạng hóa sản phẩm thu mua, họ cần có vốn đầu tư xưởng bảo quản hoa quả, xưởng thu gom phế liệu riêng, đồng thời các mối quan hệ xã hội cũng cần được củng cố, mở rộng để tạo đầu ra tốt cho nguồn hàng.

Thứ hai, vấn đề vận chuyển và bảo quản hàng nông sản. Thông thường, các hộ thu mua nông sản ở đây tự lái xe vào tận bản để mua hàng hoặc người dân địa phương mang bán trực tiếp tại những địa điểm thu gom. Tuy nhiên, cả hai cách này đều gặp rủi ro nếu có mưa lớn ập đến bất ngờ hoặc mưa trong thời gian dài. Hai năm 2016 và 2019, mưa nhiều ngày trong các tháng 6 - 7 khiến cho giao thông tới các bản gặp khó khăn, các chủ thu mua đã nhiều lần không vận chuyển được hàng nông sản về. Hàng nông sản ủ lâu trên xe thường nhanh bị hỏng và thối rữa. Trường hợp còn lại, nếu xe ô tô của người thu gom hoa quả không vào được bản, người dân địa phương phải mang ra bán trực tiếp tại điểm thu. Trong quá trình vận chuyển, nếu người dân che chắn bảo quản hợp lý cũng sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng nông sản. Chủ cửa hàng Lò Văn V (52 tuổi, bản Dọi) cho biết: “*Tháng 6/2016 xe đi trên đường chở hàng về gặp mưa không di chuyển được, mình phải ở lại cùng với xe và hàng, xe phải ở lại trong bản 3 ngày, hàng nông sản để lâu, gặp nước mưa bị hỏng*”.

nhiều; tháng 7/2018 có hộ đã bị hỏng khoảng 4,8 tấn bí xanh do trời mưa quá nhiều, ước tính thiệt hại hơn 30.000.000 đồng”.

Để có thể giảm thiểu sự thiệt hại trong quá trình thu mua hàng nông sản, những hộ người Thái đã lựa chọn thuê một nhà xưởng ở gần điểm thu mua. Giải pháp này khiến họ có thể rút ngắn được quãng đường vận chuyển hàng hóa nếu gặp thời tiết bất lợi, vừa có chỗ để bảo quản hàng nông sản. Tiêu chí lựa chọn địa điểm thuê này thường là nơi không quá khó để đi lại, gần đường giao thông, tương đối bằng phẳng để có thể xây thành nhà xưởng. Tuy nhiên, để làm được điều này các chủ thu mua phải có vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Thực tế tại bản Dọi cho thấy, chỉ có 01 hộ tìm được địa điểm để thuê và dựng nhà xưởng cho công việc thu mua của mình.

2.2. Người Hmông ở bản Tà Phênh

* *Làm thuê*: trước sự quảng cáo của các công ty, một số thanh niên người Hmông cũng tham gia đi làm thuê ở các tỉnh giống như người Thái. Tuy nhiên, ở người Hmông không chỉ nam giới trong gia đình mà có những hộ đi cả hai vợ chồng. Tại bản Tà Phênh, có 03 hộ cả hai vợ chồng đi làm thuê ngoài tỉnh, con cái gửi ông bà chăm sóc; 11 hộ có chồng đi làm xa. Con số này ít hơn so với số người Thái đi làm thuê trong thời điểm hiện tại (Bảng 2). Độ tuổi đi làm thuê trung bình 20 - 30, địa điểm làm chủ yếu ở Hà Nội. Đối với những hộ đi làm thuê cả hai vợ chồng thì họ làm công nhân may hoặc da giày, các hộ còn lại làm thợ nhôm kính, thợ xây dựng.

Bảng 3: Số lao động tham gia hoạt động làm thuê của người Hmông ở bản Tà Phênh, xã Tân Lập giai đoạn 2015 – 2019

Hình thức làm thuê	2015	2016	2017	2018	2019
Công nhân ngoài tỉnh	2	5	6	13	11
Làm thuê/đổi công trong huyện, xã	25	20	26	25	30
Cộng	27	25	32	38	41

Nguồn: UBND xã Tân Lập, 2019

Thu nhập của những hộ có cả hai vợ chồng đi làm công nhân, ngoài tiền ăn ở, mỗi gia đình cũng chỉ tiết kiệm được khoảng 5 - 6 triệu đồng/tháng. Tính tổng trung bình thu nhập một năm khoảng 80 triệu đồng. Hộ nào chỉ người chồng đi làm thuê thì có khoảng 60 triệu đồng/năm, nếu so sánh về kinh tế giữa đi làm thuê và làm nông nghiệp tại địa phương thì con số này thấp hơn nhiều⁴. Song, khi được hỏi về BDKH có ảnh hưởng gì tới công việc làm thuê thì nhận được cùng một câu trả lời đối với 2 nhóm đối tượng. Cụ thể, nhóm đi làm cả

⁴ Nếu mỗi gia đình có khoảng 20 gốc mận, thời tiết thuận lợi một năm cũng thu hoạch được 100 triệu tiền mận, chưa tính các thu nhập từ rau màu khác.

vợ cả chồng: “Vì không có vốn để tái sản xuất khi sâu bệnh, mất mùa, khoản nợ vay mượn họ hàng nhiều nên phải đi làm thuê để kiếm tiền, nhưng đi làm cả năm cũng không tiết kiệm được nhiều tiền mang về”. Nhóm đối tượng thứ hai: “Mất mùa, dịch bệnh nên không yên tâm khi đi làm xa nhà. Hơn nữa nếu đi làm cả năm không về thì anh em họ hàng có gì khó khăn mình không giúp được, khi mình khó khăn anh em họ cũng không giúp được mình. Nếu người Hmông đi làm một năm được 60 triệu đồng, khi con ốm phải đi viện, cộng với tiền làm lễ cúng là hết số tiền kiếm được từ đi làm thêm. Nếu chồng ở nhà, vợ con, bố mẹ cũng được chăm sóc, anh em họ hàng cũng có người giúp”. Điều này khiến họ chưa yên tâm và ổn định với công việc. Ghi nhận tại bản Tà Phênh, đã có 2 trường hợp người Hmông đi làm công nhân sau đó về nhà và không quay lại nơi làm cũ nữa.

Vậy, hai nhóm đối tượng này sẽ làm gì để thích ứng trong bối cảnh hiện tại? Nhóm thứ nhất vẫn đi làm thuê một vài năm ở ở tỉnh xa. Song, trước khi đi làm thuê, họ không cho thuê/mượn ruộng nương với giá rẻ mà trồng cây đào rừng - loại cây sẽ tự lớn, không mất công chăm sóc, ít chịu ảnh hưởng của thời tiết. Đây là cách để tăng thêm thu nhập, rồi họ có thể tự chủ về vốn để có thể đầu tư phát triển sản xuất tại địa phương. Nhóm thứ hai thì lựa chọn những công việc ít có sự ràng buộc về thời gian, như làm khung nhôm kính, công nhân tại các công trường xây dựng hoặc tìm những việc làm thuê tự do trong huyện. Với phương án này, nếu cần vẫn có thể về giúp đỡ anh em họ hàng, sau đó lại đi tiếp tục đi làm, song việc bảo đảm chế độ cho người lao động lại không được quan tâm.

Cũng như phụ nữ Thái, phụ nữ Hmông ở Tân Lập sau khi hoàn tất việc nhà đều chủ động kiếm việc làm thuê ngay tại địa phương. Công việc phổ biến của họ là hái su su thuê tại thị trấn Cờ Đỏ, cách bản Tà Phênh 20km. Tại đây có 5 nhóm phụ nữ Hmông rủ nhau đi hái su su thuê, 6 người/nhóm. Nếu thời tiết thuận lợi, su su cho thu hoạch liên tục từ 8 đến 10 tháng trong năm, chị em sẽ đi hái thuê liên tục mỗi tháng một chuyến, mỗi chuyến từ 3 - 4 ngày, với tiền công trả theo sản lượng hái được. Trung bình mỗi chuyến đi như vậy họ có thêm thu nhập từ 1,2 - 1,3 triệu đồng/người. Tuy vậy, trong hai năm 2017 - 2018, Tân Lập xuất hiện mưa đá bất thường, nhiều diện tích su su bị dập ngọn, gãy giàn nên sản lượng giảm đáng kể, khiến cho công việc của phụ nữ Hmông phần nào giảm đi. Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2018, hầu như không có chị em nào tham gia hái thuê su su. Trong trường hợp nếu không có người thuê hái, phụ nữ Hmông có thể lựa chọn đi cắt cỏ thuê, chăn bò thuê ở khu vực Nông trường Mộc Châu. Trung bình mỗi tháng đi làm 10 ngày và được khoán trả 1,5 - 2 triệu đồng. Để tham gia công việc này, các chị em sẽ phải đi xa hơn 20km và dài ngày hơn so với đi hái su su, do đó ảnh hưởng đến chăm sóc con cái nên ít được lựa chọn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong cộng đồng người Hmông, nam giới có nhiều cơ hội lựa chọn công việc làm thuê hơn phụ nữ. Họ có thể tìm những việc vừa tăng thêm thu nhập, vừa về giúp đỡ anh em họ hàng khi cần thiết. Cũng giống như phụ nữ Thái, phụ nữ Hmông chỉ có thể chọn công việc gần nhà để tiện chăm sóc gia đình.

* *Dịch vụ vận tải* : từ năm 2015, trong cộng đồng người Hmông phát triển dịch vụ chở thuê hàng nông sản. Thông qua công việc đi làm thuê trong huyện, họ có được những thông tin về thu mua nông sản ở trung tâm thị trấn. Vì thế, họ thường bán trực tiếp hàng nông sản cho các đại lý ở thị trấn Mộc Châu mà không qua trung gian. Nhờ vậy, dịch vụ chở thuê hàng nông sản ở người Hmông phát triển hơn so với người Thái. Tại bản Tà Phênh, năm 2016 chỉ có 2 xe/2 hộ, đến năm 2019 đã tăng lên 7 xe/5 hộ. Những hộ có xe thường có điều kiện kinh tế khá, nhiều ruộng nương. Ban đầu các hộ này mua xe để phục vụ nhu cầu gia đình, sau đó anh em họ hàng nhờ chở giúp nên họ chủ động đầu tư thêm xe để mở rộng dịch vụ. Người Hmông ở Tà Phênh không chỉ chở hàng thuê cho người dân trong bản mà còn chở cho cả những người dân ở các bản khác trong xã. Loại xe được lựa chọn để sử dụng là xe tải với trọng tải 2,5 - 3,5 tấn. Hàng hóa vận chuyển là tất cả hàng nông sản địa phương như: mận, su su, bí, ngô ủ urop⁵ và rau củ các loại.

Nam giới đảm nhận công việc này và tập trung vào khoảng tháng 5 - 6 với trung bình mỗi xe chở 2 chuyến/ngày từ bản ra thị trấn, giá là 500.000đ/chuyến. Trừ những ngày mưa nắng, các tháng cao điểm mỗi xe chở được 20 chuyến. Các tháng còn lại trung bình chỉ được 1 - 2 chuyến. Trừ chi phí nhiên liệu, người chở thuê cũng có thu nhập khoảng 1 triệu đồng/ngày. Nếu chở giúp cho anh em họ hàng, người Hmông chỉ lấy tiền mua dầu. Nếu thời tiết thuận lợi, cây trái đậu quả, mỗi vụ chở thuê cũng thu thêm khoảng 100 triệu đồng/năm. Sau hai năm, người dân thu hồi lại vốn mua xe ban đầu. Đây là nguồn thu không nhỏ đối với một hộ gia đình làm nông nghiệp, song dịch vụ chở thuê cũng phụ thuộc phần lớn vào sản lượng hàng nông sản của người dân địa phương. Ngoại trừ hai tháng 5 - 6 là nhà xe “bận” việc, các tháng còn lại trong năm rất ít việc. Hơn nữa, không phải hộ nào cũng có đủ điều kiện mua ô tô để cung cấp dịch vụ này. Nếu ở xã có quá nhiều xe ô tô thì lại lâm vào tình trạng “cung” lớn hơn “cầu”, tạo tính bất ổn định trong công việc. Trao đổi về sự thay đổi của thời tiết có ảnh hưởng gì đến dịch vụ chở thuê này, người dân ở đây cho biết: “*Công việc phụ thuộc nhiều vào sản lượng nông sản. Ví dụ như năm 2016, mận được giá lại được mùa, trong xã chỉ có 2 xe nên công việc liên tục không có thời gian nghỉ. Năm 2018, số lượng xe chở trong xã tăng lên, cây mận bị mất mùa, nhà xe chỉ chở được vài chuyến ngô ủ urop ra thị trấn, thu nhập giảm đáng kể*”. Không chỉ phụ thuộc vào sản lượng hàng nông sản, có những chuyến hàng người dân thuê chở từ các bản xa của xã Tân Hợp, Nà Ka (cách thị trấn Nông trường Mộc Châu 40 - 50km đường đất), gặp mưa thì lại càng khó khăn hơn. Trường hợp thời tiết xấu, có khi họ phải đi 2 ngày mới được một chuyến hàng. Về định hướng phát triển trong tương lai, các hộ có xe cho rằng, cũng không thể phụ thuộc vào chở hàng nông sản, mà phải mở rộng hơn dịch vụ như chở thuê cát, gạch ngói, vật liệu xây dựng. Tuy vậy, không phải lúc nào người dân trong xã cũng có nhu cầu xây sửa nhà cửa nên dịch vụ này chưa thực sự phát triển.

⁵ Một loại thức ăn cho bò sữa Mộc Châu vào mùa khô. Để chế biến loại thức ăn này, người nông dân trồng ngô nhưng không thu bắp, ngô được trồng đến giai đoạn bắp ra hạt đều, lá còn xanh sẽ được thu hoạch cả cây. Cây ngô được băm nhỏ cả thân, bắp và lá sau đó mang đi ủ chua.

Có thể thấy, ở cả hai cộng đồng người Thái và người Hmông đều xuất hiện các dịch vụ liên quan đến nông nghiệp. Ở người Thái là thu mua trong xã còn người Hmông lại chờ thuê đi bán trực tiếp ngoài thị trấn. Dịch vụ này ở người Thái có sự tham gia của cả gia đình, vợ chồng và các con, trong khi ở người Hmông chỉ người nam giới mới có thể tham gia. Cả hai công việc này đều phụ thuộc một cách gián tiếp từ những thay đổi của thời tiết hiện nay. Để giảm thiểu những tác động của thời tiết, cả hai cộng đồng đều lựa chọn đa dạng hóa đối tượng phục vụ.

Kết luận

Trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây, các số liệu quan trắc và cảm nhận của người dân địa phương đều cho thấy, khí hậu ở huyện Mộc Châu đang thay đổi. Đó là sự xuất hiện bất thường của các trận mưa đá không theo mùa, những đợt mưa và nắng nóng kéo dài; những lần mưa tuyết, đợt rét đậm và rét hại, sự gia tăng chênh lệch nhiệt độ các mùa trong năm,...

Xem xét trong bối cảnh BĐKH, các hoạt động phi nông nghiệp của người Thái và người Hmông đều chịu tác động một cách gián tiếp như: (1) gia tăng số lượng đi làm thuê ở cả hai cộng đồng, trong đó người Thái lựa chọn đi làm ăn xa ngoài tỉnh với những công việc ổn định theo năm, người Hmông ưu tiên lựa chọn các công việc gần nhà với thời gian ngắn hơn để vẫn có thể phụ giúp gia đình thu hoạch nông sản; (2) với hoạt động cung cấp các dịch vụ nông nghiệp, người Thái tìm thuê địa điểm thu gom gần đường giao thông, thuận tiện cho việc thu mua và bảo quản hàng nông sản với sự đa dạng hóa sản phẩm, gồm thu mua phế liệu sắt vụn vào những lúc không có hàng nông sản, trong khi người Hmông lựa chọn không chỉ chuyển chở hàng nông sản mà còn tìm hiểu mở rộng chở thuê vật liệu xây dựng. Ở cả hai cộng đồng Hmông và Thái, người phụ nữ là đối tượng yếu thế hơn trong quá trình tìm kiếm thêm thu nhập cho gia đình.

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy, mỗi cộng đồng đều có phương thức riêng nhằm duy trì và phát triển sinh kế nhưng vẫn chịu sự chi phối của yếu tố văn hóa tộc người. Bên cạnh những cố gắng của cộng đồng, sự tham gia hỗ trợ của chính quyền địa phương là rất cần thiết để có thể nâng cao năng lực và khả năng thích ứng của cộng đồng trong bối cảnh hiện nay. Đặc biệt, cần có cơ chế giới thiệu việc làm những nơi có uy tín, đảm bảo quyền lợi của người lao động trong bối cảnh tìm kiếm cơ hội mới trước tác động của BĐKH.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), *Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu*.
2. Nguyễn Thắm Thu Hà (2018), “Kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người Kinh và người Kơ-me ở tỉnh Cà Mau trong ứng phó với biến đổi khí hậu”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 13-23.

3. Trần Hồng Thu, Phạm Thị Thu Hà (2016), “Ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động trồng trọt ở một số dân tộc thiểu số tại miền núi Tây Bắc Việt Nam (qua nghiên cứu ở hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 36-45.

4. Trần Hồng Hạnh (2018), *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng núi Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Bùi Thị Bích Lan, Nguyễn Thị Huệ (2015), “Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động chăn nuôi của một số dân tộc thiểu số ở xã Nậm Cháy, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 35-45.

6. Nguyễn Công Thảo (Chủ biên, 2019), *Tri thức tộc người trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu của người Kinh và Kơ-me ở tỉnh Cà Mau*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. UBND tỉnh Sơn La (2011), *Kế hoạch hành động với biến đổi khí hậu của tỉnh Sơn La giai đoạn 2010 - 2020* (thuộc danh mục các nhiệm vụ, dự án thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia với biến đổi khí hậu giai đoạn 2009 - 2015 kèm theo Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg).

8. UBND xã Tân Lập (2018), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017*.

9. Phạm Thị Cẩm Vân (2018), “Kinh nghiệm thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của người dân ở tỉnh Cà Mau”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 77-87.



Thu mua nông sản của người Thái ở bản Dọi, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

Ảnh: Phạm Thị Cẩm Vân, chụp tháng 10/2019